

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 27/03/2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thông

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Gia Lương

Bà Hoàng Thị Hải Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 03 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 06/2025/TLPT-HNGĐ ngày 20/02/2025 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 118/2024/HNGĐ-ST ngày 26/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXPT-HNGĐ ngày 06/03/2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Nguyễn Xuân Đ trình bày:**

Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn ngày 25/11/2015 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L.

Sau khi cưới, anh và chị H về ở với nhau ngay, thời gian đầu sống hạnh phúc và đã có hai con chung là:

- Nguyễn Xuân N, sinh ngày 03/12/2016;
- Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 12/6/2019.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Sau một thời gian về chung sống, chị H không chịu làm ăn, chơi bời cờ bạc, nợ nần rất nhiều người, anh đã trả nợ cho chị H nhiều lần và đã khuyên bảo, nhưng chị H không nghe; việc này hai bên gia đình cũng biết và đã khuyên giải chị H không đánh bạc nữa, nhưng chị H không nghe. Từ tháng 9/2022 chị H nợ nhiều quá, nên bỏ nhà đi, hai người sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn.

Anh và chị H có 2 con chung như trình bày ở trên. Từ tháng 12/2019 chị H lao vào chơi cờ bạc, không quan tâm đến gia đình và các con, một mình anh phải nuôi hai con. Hiện tại làm công nhân tại Công ty S, anh đã phải nhờ bố mẹ anh giúp đỡ đưa đón các cháu đi học để yên tâm làm ăn; chị H không hề quan tâm đến gia đình, nhiều năm nay anh phải tính toán chi tiêu nuôi hai con trong phạm vi lương của anh và trả nợ cho chị H; đến tháng 9/2022 thì chị H bỏ nhà đi, một mình anh lại tiếp tục nuôi các con, chị H không hề cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Nay ly hôn, anh xin tiếp tục nuôi 2 con, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Thu nhập của anh khoảng 20.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi con, ngoài ra anh còn có bố mẹ giúp đỡ đưa đón các con đi học.

- Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại anh được biết chị H vay tiền của rất nhiều người, anh đã phải trả nợ cho chị H nhiều lần, thỉnh thoảng vẫn có người đến nhà anh đòi tiền. Anh không biết chị H còn nợ những ai và bao nhiêu tiền. Số tiền nợ của chị H thì chị H phải chịu trách nhiệm trả, không liên quan đến anh. Lương của anh chỉ đủ nuôi hai cháu, không có khả năng trả nợ cho chị H.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chị công nhận điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn như anh Đ trình bày là đúng.

Sau khi cưới, chị và anh Đ về ở với nhau ngay, thời gian đầu sống hạnh phúc và đã đã có hai con chung như anh Đ trình bày.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Do bị người khác rủ rê, chị đã tham gia chơi bạc trên mạng xã hội từ năm 2020, đã thua, nợ nhiều người, thời điểm nợ nhiều nhất là 100.000.000 đồng; anh Đ và bố mẹ anh Đ cũng đã nhiều lần phải trả nợ cho chị. Tháng 9/2022 vợ chồng xảy ra cãi nhau và chị đã ly thân, chị thuê nhà ở khu công nghiệp V ở. Nguyên nhân là do chị chơi bạc, nợ nhiều người; nhiều người cũng đã đến nhà anh Đ đòi tiền. Anh Đ xin ly hôn, chị đồng ý.

- Về con chung: Chị và anh Đ có 2 con chung là Nguyễn Xuân N, sinh ngày 03/12/2016 và Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 12/6/2019. Hiện tại hai con chung vẫn ở với ông bà nội và anh Đ. Ly hôn chị xin nuôi cả 2 con.

Hiện tại chị làm công nhân tại Công ty L thu nhập 15.000.000 đồng/tháng. Chị yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là 5.000.000 đồng/tháng cho cả 2 con.

Nếu được nuôi con thì chị sẽ cho 2 con về nhà mẹ đẻ chị tại C để ở.

- Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Với nội dung trên bản án sơ thẩm số 118/2024/HNGĐ-ST ngày 26/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam đã căn cứ vào các Điều: 51, 55, 82, 83, 84, 107, 110, và 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Xuân Đ và chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Xuân Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 2 con chung là: Nguyễn Xuân N, sinh ngày 03/12/2016 và Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 12/6/2019 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo bản án cho các đương sự.

* Ngày 30/12/2024, chị Nguyễn Thị H kháng cáo phần con chung bản án sơ thẩm nói trên. Chị cho rằng chị có đủ điều kiện để đảm bảo, chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Chị xác định chị có công việc ổn định, thu nhập ổn định, có chỗ ở ổn định và thời gian dành cho con. Vì vậy chị kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao cháu Nguyễn Xuân N, sinh ngày 03/12/2016 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 12/6/2019 cho chị trực tiếp chăm sóc, giáo dục.

* *Tại phiên tòa phúc thẩm*, nguyên đơn anh Nguyễn Xuân Đ không rút đơn khởi kiện, bị đơn chị Nguyễn Thị H không rút đơn kháng cáo.

Chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị xác định chị có công việc ổn định, thu nhập ổn định, hầu hết thời gian trong tuần chị đều ở cùng mẹ đẻ chị tại xã C, huyện L trừ một số ngày chị phải xuống V để học thêm ngoại ngữ. Cháu Nguyễn Thị Kiều O là con gái, cần sự chăm sóc của người mẹ. Ngoài ra, chị xác định chị đã trả hết nợ nần và chị có đủ kinh tế, thời gian để chăm sóc cho cháu O.

Anh Nguyễn Xuân Đ trình bày: Anh không đồng ý với kháng cáo của chị H. Anh cho rằng điều kiện kinh tế của chị H không đủ để đáp ứng được việc chăm

sóc nuôi dưỡng con chung. Hiện nay anh có thu nhập ổn định, nơi ở ổn định cùng bố mẹ đẻ anh tại huyện L, khi anh bận công việc vẫn có bố mẹ anh giúp anh chăm sóc các cháu. Anh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm giao cho anh được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Anh vẫn đảm bảo việc chị H được thăm nom con chung mà không ai cản trở gì chị.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 118/2024/HNGĐ-ST ngày 26/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, ý kiến tranh luận, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị H Hội đồng xét xử thấy:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Xuân Đ có 2 con chung là Nguyễn Xuân N, sinh ngày 03/12/2016 và Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 12/6/2019. Cả hai anh chị đều xác nhận hiện tại hai cháu đang được anh Đ cùng ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng. Bản án sơ thẩm giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng.

Tại phiên toà phúc thẩm, chị H khai chị thường xuyên ở cùng mẹ đẻ chị tại xã C, huyện L, chỉ khi nào chị đi học ngoại ngữ ở V thì chị mới ở trọ tại đó. Đối với các biên bản xác minh ở cấp sơ thẩm cho rằng chị thường xuyên vắng mặt tại địa phương, chị không có ý kiến gì. Chị H xác nhận từ khi ly thân anh Đ đến nay, các con vẫn ở với anh Đ, các con được anh Đ cho ăn học tốt, phát triển bình thường, chị thỉnh thoảng có đón các con về nhà bà ngoại chơi cùng chị, anh Đ không cản trở gì. Để đảm bảo các quyền lợi của con chung và bảo đảm sự ổn định về chỗ ăn, chỗ học của các cháu, thì điều kiện nuôi con chung của anh Đ tốt hơn chị H. Do vậy, bản án sơ thẩm giao cho anh Nguyễn Xuân Đ nuôi cả hai con chung là phù hợp và đảm bảo quyền và lợi ích của các con.

Ngoài ra, chị H xác định hiện nay chị đã trả hết nợ, có thu nhập thường xuyên để đảm bảo điều kiện chăm sóc con chung. Tuy nhiên tại giai đoạn xét xử phúc thẩm cũng như tại phiên toà, chị H không cung cấp được tài liệu nào mới khác so với giai đoạn sơ thẩm. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy việc áp dụng

khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con cho phù hợp, nếu sau này các đương sự có yêu cầu và theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2]. Từ nhận định phân tích ở trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 118/2024/HNGĐ-ST ngày 26/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tại biên lai số 0004529 ngày 03/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 118/2024/HNGĐ-ST ngày 26/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tại biên lai số 0004529 ngày 03/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện Lục Nam;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã Khám Lạng, huyện Lục Nam;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu Hs, THCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Thông